TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:36/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 5 - 2018.
V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình giữa chị Th và anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Văn Sang
2. Ông Nguyễn Bá Đặng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 67/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2018 về việc kiện xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Phương Th sinh năm 1989; (*Chị Thảo có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: Thôn Bắc Quảng, xã Thụy, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Anh Tạ Văn L sinh năm 1987;(*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn Bắc Quảng, xã Thụy , huyện T, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện,tại bản tự khai, tại các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Bùi Phương Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L có yêu và tìm hiểu đi đến kết hôn vào ngày 09/01/2012 tại UBND xã Thụy, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống không hạnh phúc do chị bị anh L thường xuyên đánh

đập, vì vậy chị đã không còn chung sống với anh L , chị đã sống ly thân với anh L từ năm 2017 đến nay. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh L có 02 con chung là Tạ Ngọc Công A sinh ngày 19/6/2012 và Tạ Bùi Tiến Đ sinh ngày 26/7/2017. Ly hôn chị đề nghị giao con A cho anh L nuôi. Chị nhận nuôi con Đ Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị xác định không có tài sản chung, anh chị không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, tại đơn đề nghị bị đơn anh Tạ Văn L trình bày*:

Anh và chị Th yêu và tìm hiểu đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện đã kết hôn được 6 năm, có 2 con chung, lúc đầu sau khi kết hôn là có mâu thuẫn, nhưng anh luôn cố gắng về những lúc nóng giận của anh, hơn 1 năm nay anh chị không có mâu thuẫn gì, anh bất ngờ khi thấy ngày 5/11/2017 chị Th bế con nhỏ, bỏ nhà ra đi và đó cũng là thời gian anh chị sống xa nhau, việc chị Th trình bày anh thường xuyên uống rượu và đánh đập chị là không đúng, anh và người trong gia đình chị Th đi tìm để khuyên bảo chị Th suy nghĩ lại về những lúc nóng giận của anh, anh và gia đình anh luôn mong chị Th quay về để cho con cái đỡ khổ. Đề nghị Tòa án gia hạn để anh có thời gian hàn gắn tình cảm với chị Th.

Anh chị có 2 con chung là Tạ Ngọc Công A sinh ngày 19/6/2012 và Tạ Bùi Tiến Đ sinh ngày 26/7/2017. Nếu có ly hôn anh xin nhận nuôi con A.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Anh xác định không có tài sản chung, anh chị không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh tại gia đình ông Tạ Thanh H – bố đẻ anh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh L có yêu và tìm hiểu đi đến kết hôn vào ngày 09/01/2012 tại UBND xã Thụy, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị không có biểu hiện mâu thuẫn, không có việc đánh đập hay bạo lực gia đình, sau khi chị Th đẻ con Đ, chị Th xin phép về gia đình bên ngoại ở xã Thụy Tr, huyện T, từ khoảng tháng 11 âm lịch năm 2017 vàở luôn cho đến nay. Ông xác nhận chị Th sống cùng gia đình ông, anh L đi làm 1 tháng về nhà 1 đến 2 ngày, nhưng ông không biết rõ nguyên nhân mâu thuẫn. Nay chị Th xin ly hôn thì đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết theo thủ tục chung. Anh chị có 2 con chung là Tạ Ngọc Công A sinh ngày 19/6/2012 và Tạ Bùi Tiến Đ sinh ngày 26/7/2017. Cháu A đang sống cùng anh L và gia đình ông. Cháu Đ sống cùng chị Th. Nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao

con A cho anh L nuôi, giao con Đ cho chị Th nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản và nợ chung: Ông xác định anh L và chị Th xác định không có tài sản chung, anh chị không vay mượn tài sản của ai và không có tài sản gì cho ai vay.

Tại biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thụy, cung cấp:

Anh L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Thụy , huyện T, tỉnh Thái Bình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thụy, huyện T, tỉnh Thái Bình vào ngày 09/01/2012.Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc khoản 2 đến 3 năm. Sau xảy ra mâu thuẫn do cả hai bên muốn xin vào làm giáo viên nhưng đều không được, sau đó do có thể làm ăn kinh tế bị thua lỗ. Nhưng việc mâu thuẫn cụ thể thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ, việc Tòa án thông báo cho chính quyền về việc anh L đề nghị ra hạn để anh có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thấy anh L là Đảng viên đảng cộng sản Việt Nam báo cáo với Chi bộ thôn, trưởng thôn, chi hội phụ nữ để có phương pháp hòa giải hay chia sẻ. Nên đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều: 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Th được ly hôn với anh L. Giao cho chị Th trực tiếp nuôi dạy con chung Đ, giao cho anh L trực tiếp nuôi dạy con A. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh L đã đến Tòa án để viết bản tự khai, đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, được giao nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt tại phiên tòa Hội đồng áp dụng điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh L

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Phương Th và anh Tạ Văn Ltự nguyện tìm hiểu và cưới có đăng ký kết hôn vào ngày 09/01/2012 tại UBND xã xã Thụy, huyện T, tỉnh Thái Bình (*Giấy chứng nhận kết hôn số 04/2012*) là hôn nhân hợp pháp.

[2] Sau khi kết hôn, việc anh chị xảy ra mâu thuẫn là có. Chị xác định mâu thuẫn do anh đánh đập nên chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến

nay, anh L xác định mâu thuẫn do tính anh nóng giận. Tuy nhiên Tòa án đã chấp nhận đơn đề nghị của anh L từ ngày 27/3/2018 đến ngày 23/4/2018 là khoảng thời gian tạo điều kiện cho anh L tìm biện pháp hàn gắn hôn nhân nhưng anh L đã không thể hiện bằng việc làm cụ thể, chính quyền địa phương cung cấp anh L không thông báo để chi hội phụ nữ, thôn xóm, Chị bộ thôn chia sẻ, hòa giải cho đoàn tụ, do vậy đề nghị của anh L muốn đoàn tụ là không có sức thuyết phục. Hội đồng xét xử thấy chị Th tại đơn xin ly hôn, tại bản tự khải, tại đơn xin xét xử vắng mặt đều một mực xin ly hôn cho thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đã có thời gian sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên có duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho anh chị. Do đó, áp dụng các điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Th được ly hôn với anh L.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Th và anh L có 2 con chung là Tạ Ngọc Công A sinh ngày 19/6/2012 và Tạ Bùi Tiến Đ sinh ngày 26/7/2017. Xét yêu cầu về con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị Th thì thấy ông Tạ Thanh Hlà ông nội hai cháu xác định cháu A đang theo học tại trường tiểu học xã Thụy , đang ở với anh L và ông bà nội tại xã Thụy, huyện T, sức khỏe cháu A bình thường. Tại bản tự khai anh L cũng xin nhận nuôi cháu A, anh L không có đề nghị gì về cháu Đ cũng như về việc cấp dưỡng nuôi con A hay con Đdo vậy Hội đồng xét xử giao con A cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Đ cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[5] Chị Th phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Phương Th được ly hôn với anh Tạ Văn L

2.Về con chung: Giao con chung Tạ Ngọc Công A sinh ngày 19/6/2012 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Tạ Bùi Tiến Đ sinh ngày 26/7/2017 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không bị cản trở. Hai bên có quyền thay đổi nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Th và anh L không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Th phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền tạm ứng án phí ly hôn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, biên lai số 0001359 ngày 16/3/2018 thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh L vắng mặt tại phiên tòa, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Thụy;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hằng